

Số: *68* /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình hành động của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Các Thứ trưởng Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, KHTC(md).

HL

BỘ TRƯỞNG



**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2018
của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển
kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018**

*(Ban hành theo Quyết định số 68 /QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Chương trình hành động với những nội dung sau:

I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH

Năm 2017, Bộ Tài nguyên và Môi trường và toàn ngành đã khẩn trương thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội, lấy phương châm “tăng cường kỷ cương, đề cao trách nhiệm, thi đua sáng tạo, phát triển nhanh và bền vững” làm trọng tâm hành động, qua đó đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, khẳng định vị thế của ngành. Bộ là một trong những cơ quan đi đầu trong cải cách hành chính. Công tác quản lý, sử dụng đất đai có sự chuyển biến rất rõ nét; nhiều hiện tượng khí tượng thủy văn cực đoan được dự báo, cảnh báo tương đối kịp thời, giảm thiểu thiệt hại; đã hoàn thành kế hoạch khắc phục đối với các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao để đi vào vận hành, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường; triển khai kinh tế hoá trong lĩnh vực quản lý tài nguyên nước; tổ chức thành công Hội nghị về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu, làm cơ sở trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 120/NQ-CP, mở ra một mô hình mẫu về phát triển các vùng đồng bằng lớn thích ứng với biến đổi khí hậu trên phạm vi cả nước.

Năm 2018 là năm bản lề thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020, Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2016-2021. Việc triển khai các nhiệm vụ, kế hoạch công tác của ngành tài nguyên và môi trường được đặt trong bối cảnh Chính phủ quyết tâm cao tạo chuyển biến rõ nét, thực chất trong thực hiện các đột phá chiến lược; thực hiện quyết liệt cải cách hành chính với phương châm hành động của Chính phủ là: “**Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, hiệu quả**”. Bên cạnh những thuận lợi, ngành tài nguyên và môi trường cũng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức như: một số cơ chế, chính sách pháp luật chưa theo kịp với thực tiễn, năng lực thực thi ở một số địa phương còn hạn chế. Việc sử

dụng đất đai vẫn kém hiệu quả, chưa khai thác hết tiềm năng của đất đai; quản lý đất công còn nhiều bất cập; thu tài chính từ đất đai có tăng nhưng chưa tương xứng; chỉ số tiếp cận đất đai còn thấp. Ô nhiễm, suy thoái môi trường vẫn có chiều hướng gia tăng; chất lượng và số lượng nước suy giảm, xung đột, tranh chấp trong sử dụng tài nguyên nước ngày càng gay gắt, sạt lở bờ sông tại một số lưu vực vẫn diễn biến phức tạp. Tình trạng khai thác cát, sỏi trái phép lòng sông vẫn xảy ra; các hiện tượng thời tiết cực đoan ngày càng gia tăng, hạn hán, lũ ống, lũ quét, xâm nhập mặn gây thiệt hại lớn về người và tài sản. Tài nguyên biển chưa được quan tâm điều tra, đánh giá, nhất là các tài nguyên chiến lược.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU NĂM 2018

Trên cơ sở kết quả đổi mới và đà phát triển của năm 2017, Bộ Tài nguyên và Môi trường xác định một số mục tiêu, và đề ra các nhiệm vụ chủ yếu như sau:

1. Một số mục tiêu chủ yếu

a) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật về tài nguyên và môi trường; hoàn thành 100% Chương trình xây dựng văn bản pháp luật năm 2018, không để tình trạng nợ đọng văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh.

b) Phấn đấu giảm 2,5% số tổ chức của các đơn vị thuộc Bộ và tiếp tục tinh giản thêm 1,7% biên chế so với năm 2015.

c) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm tối thiểu 45% điều kiện đầu tư kinh doanh. Cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3-4 đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Bộ, trong đó: 100% mức độ 4 đối với các thủ tục hành chính trong danh mục sử dụng dịch vụ bưu chính công ích và các thủ tục hành chính không trong danh mục sử dụng dịch vụ bưu chính công ích có đủ căn cứ pháp lý triển khai mức độ 4. Đảm bảo 100% các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Bộ vận hành theo cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN, kết nối với cổng thông tin một cửa quốc gia theo kế hoạch của Chính phủ. Vận hành hệ thống một cửa, một cửa liên thông và liên thông thủ tục hành chính trong phạm vi của Bộ.

d) Hiện đại hoá nền hành chính, ban hành và triển khai kiến trúc chính phủ điện tử ngành tài nguyên và môi trường, phiên bản 2.0; bảo đảm cơ bản 100% các hồ sơ công việc (không mật) được xử lý trên môi trường mạng, gắn với sử dụng chữ ký điện tử tại các cơ quan thuộc Bộ; kết nối thông tin chỉ đạo, điều hành thông suốt giữa Bộ với Chính phủ, các Bộ, ngành, các đơn vị thuộc Bộ, và các Sở Tài nguyên và Môi trường.

đ) Hoàn thiện việc sửa đổi Luật đất đai, chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai; đổi mới công tác quy hoạch sử dụng đất theo Luật quy hoạch, hoàn thiện chính sách kinh tế, tài chính đất đai, thống kê, kiểm kê đất đai. Hoàn thành việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) của 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị hành chính cấp huyện. Cơ bản hoàn thành việc sắp xếp đất đai đối với các công ty nông, lâm nghiệp tại 39 tỉnh, thành phố thuộc diện sắp xếp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP của Chính phủ; có biện pháp

cơ bản giải quyết tình trạng đất của các dự án chậm triển khai, chậm đưa đất vào sử dụng; hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký để quản lý đối với với 3,4% diện tích cần cấp còn lại chưa được cấp giấy chứng nhận lần đầu; lựa chọn, hoàn thiện phần mềm quản lý vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai để thực hiện thống nhất; phấn đấu nguồn thu từ đất đạt khoảng 12% thu ngân sách nội địa, đưa vào sử dụng 50 - 100 nghìn ha đất chưa sử dụng cho các mục đích.

e) Cơ bản chấm dứt tình trạng khai thác cát, sỏi lòng sông trái phép, thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của ngành đạt 4.500 tỷ đồng. Phấn đấu 100% các hồ chứa thủy lợi thủy điện nằm trong hệ thống quy trình vận hành liên hồ chứa được kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu về hệ thống giám sát vận hành liên hồ chứa; hoàn thành 100% cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho các tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất. Trình phê duyệt đề án điều tra, đánh giá tác động của các công trình thượng nguồn trên dòng chính sông Mê Công đối với Đồng bằng sông Cửu Long. Hoàn thành đo vẽ bản đồ địa hình đáy biển 1/50.000 khu vực biển Ninh Thuận - Kiên Giang trên diện tích 5.300 km², hoàn thành việc khảo sát, lấy mẫu phân tích tiềm năng GH tỷ lệ 1/500.000 khu vực biển Tư Chính - Vũng Mây.

g) Trình ban hành quyết định điều chỉnh chiến lược về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2050; đề án kiểm soát đặc biệt các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, danh mục các ngành nghề có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao không khuyến khích đầu tư. Tỷ lệ các khu công nghiệp theo quy hoạch phải có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt 88%, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong 12% khu công nghiệp còn lại phải có hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn cho phép; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg được xử lý triệt để đạt 67%; 80% chất thải nguy hại phát sinh được thu gom xử lý đúng quy định, 20% chất thải nguy hại còn lại được lưu giữ an toàn hoặc xuất khẩu ra nước ngoài xử lý; 100% chủ nguồn thải có nước thải với lưu lượng từ 1.000 m³/ngày.đêm (không bao gồm nước làm mát) hoặc có khí thải công nghiệp theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu phải có hệ thống quan trắc tự động để kiểm soát; 65% chất thải rắn sinh hoạt khu vực nông thôn được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; 65% chất thải rắn sinh hoạt có thành phần hữu cơ tại các hộ gia đình được phân loại, tái sử dụng; 70% các bao bì đựng hóa chất bảo vệ thực vật phải được thu gom, lưu giữ và xử lý theo quy định của pháp luật; hoàn thành xử lý ô nhiễm đối với 09 làng nghề.

h) Nâng cao chất lượng dự báo, tăng thời hạn dự báo bão, áp thấp nhiệt đới lên 72 giờ, thời hạn cảnh báo bão đến trước 3-5 ngày, cảnh báo sớm đủ độ chi tiết đối các đợt mưa lũ lớn diện rộng, các trận lũ vừa và lớn trên các hệ thống sông chính trước từ 1-3 ngày; cảnh báo sớm về nguy cơ lũ quét, sạt lở đất đủ độ chi tiết đối với các khu vực trọng tinh; thực hiện đủ các cảnh báo, dự báo đối với tất cả các loại thiên tai khí tượng thủy văn. Hoàn thành xây dựng 53 trạm khí tượng tự động, 96 trạm đo mưa và mực nước tự động, 51 trạm đo mưa tự động.

i) Hoàn thành và đưa vào sử dụng 04 hồ chứa nước ngọt, 18 cống kiểm soát mặn, khoảng 100 km đê sông, đê biển; trồng và phục hồi khoảng 5.000 ha

rừng ngập mặn ven biển, rừng phòng hộ đầu nguồn thuộc chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh tại các địa phương. Hình thành thị trường tín chỉ cac-bon; thiết lập hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm tra (MRV) cho các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp quốc gia.

2. Nhiệm vụ trọng tâm

Để hoàn thành các mục tiêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường yêu cầu các đơn vị trực thuộc Bộ, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nâng cao tinh thần trách nhiệm, tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ chủ yếu sau:

2.1. Nhiệm vụ trọng tâm chung

a) Tập trung hoàn thiện, trình Quốc hội thông qua Luật Đo đạc và Bản đồ tại Kỳ họp thứ 5; trình Chính phủ, Quốc hội xem xét, cho ý kiến dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các Luật có liên quan; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật: Khoáng sản, Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn, Đa dạng sinh học và Tài nguyên, Môi trường biển và hải đảo phù hợp với Luật Quy hoạch. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản dưới luật trong các lĩnh vực của ngành theo hướng ưu tiên tháo gỡ các vướng mắc, bất cập và gắn với tăng cường phổ biến, thực thi pháp luật, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh. Sơ kết đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Ưu tiên bố trí nguồn lực cao nhất để nâng cao chất lượng xây dựng thể chế và văn bản pháp luật năm 2018. Xây dựng, điều chỉnh, triển khai hiệu quả các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành.

b) Kiện toàn, tinh gọn tổ chức bộ máy, quản lý chặt chẽ số lượng biên chế, công chức, biên chế sự nghiệp. Tiếp tục rà soát, bổ sung các quy định về: đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức; trình tự thủ tục, hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, biệt phái, chuyển công tác, thôi giữ chức vụ đối với cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý của các đơn vị, tổ chức trực thuộc Bộ; tiêu chuẩn công chức, viên chức, lãnh đạo quản lý của đơn vị và các tổ chức trực thuộc Bộ; trách nhiệm, đánh giá và xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu đơn vị; công tác thi đua khen thưởng của ngành tài nguyên và môi trường. Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, tăng quyền tự chủ và thúc đẩy xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp công lập của ngành. Đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các trường đại học trực thuộc Bộ. Nghiên cứu, sửa đổi Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Chấn chỉnh, nâng cao kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Xây dựng Đề án tăng cường năng lực

đội ngũ công chức, viên chức ngành tài nguyên và môi trường đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đánh giá, giám sát và chỉ đạo thực hiện, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm của ngành trong năm 2018.

c) Hoàn thành xây dựng, ban hành kiến trúc chính phủ điện tử ngành tài nguyên và môi trường phiên bản 2.0. Thực hiện quản lý văn bản và hồ sơ công việc, sử dụng chữ ký điện tử, tác nghiệp hoàn toàn trên môi trường mạng tại các cơ quan thuộc Bộ; Hoàn thiện hệ thống một cửa, một cửa liên thông và dịch vụ công trực tuyến của Bộ và hệ thống hải quan điện tử thực hiện theo cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN. Xây dựng và triển khai hệ thống thông tin báo cáo tổng hợp ngành tài nguyên và môi trường phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải tiến công tác báo cáo theo hướng đơn giản hóa về phương thức, nhiều số liệu mang tính định lượng xuyên suốt từ trung ương đến địa phương. Xây dựng hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành thông suốt, kết nối giữa Bộ với Chính phủ, các Bộ, ngành và các Sở Tài nguyên và Môi trường. Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin trong khuôn khổ các dự án triển khai năm 2018; tiếp tục triển khai các hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ hiện đại hóa công tác cải cách hành chính.

d) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật về tài nguyên và môi trường theo hướng phối hợp chặt chẽ từ cơ sở, tập trung vào những vấn đề bức xúc đang đặt ra như: Các dự án chậm đưa đất vào sử dụng để lãng phí đất đai, sử dụng đất đai trong cổ phần hoá doanh nghiệp; các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cao, chấp hành pháp luật về quản lý, thăm dò, khai thác khoáng sản và bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; vận hành điều tiết của các hồ chứa, khai thác, sử dụng nước mặt đối với hồ chứa thủy điện, thủy lợi. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ở từng cấp; tập trung giải quyết các vụ việc Thủ tướng Chính phủ giao và các vụ việc thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ, các vụ việc tồn đọng kéo dài.

đ) Tiếp tục đổi mới công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ; đào tạo, bồi dưỡng gắn với chuyên gia công nghệ, thực hiện cơ chế đầu thầu đặt hàng; nâng cao năng lực, tiềm lực khoa học công nghệ, đào tạo và bồi dưỡng của các Viện, Trường Đại học thuộc Bộ. Tăng cường phối hợp nghiên cứu khoa học và công nghệ, hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh về tài nguyên và môi trường, tập trung trước mắt vào nghiên cứu để hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật xử lý, giải quyết các vướng mắc, bất cập trong công tác quản lý nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

e) Triển khai xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường, nhất là về đất đai, quan trắc tài nguyên và môi trường; xây dựng đề án hệ thống cơ sở dữ liệu liên ngành về đồng bằng sông Cửu Long. Đẩy mạnh thực hiện Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 nhằm nâng cao chất lượng công tác dự báo, cảnh báo.

g) Tiếp tục mở rộng và hội nhập hợp tác quốc tế, thúc đẩy, tăng cường đối thoại chính sách, tham vấn các nhà đầu tư, tài trợ, phục vụ trao đổi thông tin pháp luật về tài nguyên và môi trường. Cùng cố, mở rộng các mối quan hệ song phương, đa phương và liên khu vực với các nước, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài về khoa học và công nghệ; vận động, thu hút nguồn hỗ trợ nước ngoài thực hiện phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu và phục vụ cho công tác quản lý nhà nước của ngành. Tổ chức thành công Hội nghị lần thứ 6 Đại hội đồng Quỹ môi trường toàn cầu (GEF) tại Việt Nam.

h) Tăng cường kỷ luật tài chính, điều hành ngân sách tiết kiệm, giám sát chặt chẽ đầu tư công, sử dụng hiệu quả tài sản công, kiên quyết phòng chống tham nhũng, lãng phí, hạn chế mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền; hạn chế tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn ngân sách nhà nước. Triển khai nhanh, quyết liệt công tác phân bổ giao dự toán ngân sách nhà nước, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, phân đầu giải ngân 100% dự toán được giao. Kiên quyết cắt giảm những khoản chi thường xuyên ngân sách trung ương đã được giao trong dự toán đầu năm nhưng đến 30 tháng 6 năm 2018 chưa phân bổ, hoặc đã phân bổ nhưng chưa triển khai. Điều hành dự toán ngân sách nhà nước linh hoạt, trong đó tập trung nguồn lực tài chính thực hiện các vấn đề cấp bách của ngành tài nguyên và môi trường theo chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các vấn đề khác của ngành, đặc biệt là các nhiệm vụ thuộc Chương trình hành động này. Xây dựng và triển khai, thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh, thường xuyên tổ chức các cuộc đối thoại với doanh nghiệp của Bộ; triển khai cơ cấu lại, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ; thoái toàn bộ vốn nhà nước tại các doanh nghiệp mà Bộ không cần nắm giữ theo cơ chế thị trường, xử lý nghiêm các trường hợp cố tình chậm triển khai, trong đó có trách nhiệm của người đứng đầu.

i) Tổ chức truyền thông, phổ biến các cơ chế chính sách, chủ trương lớn về tài nguyên và môi trường ngay từ khi chuẩn bị, ban hành và tổ chức triển khai; Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình truyền thông, mô hình truyền thông về tài nguyên và môi trường trên các phương tiện truyền thông đại chúng nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng. Xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình truyền thông về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu. Phối hợp tổ chức có hiệu quả các ngày lễ lớn, sự kiện về tài nguyên và môi trường trong năm. Tuyên truyền phổ biến rộng rãi, hướng dẫn người dân thực hiện các biện pháp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Phổ biến, hướng dẫn, tăng cường năng lực cho các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp thực hiện chức năng giám sát, phản biện và tham vấn cộng đồng về tài nguyên và môi trường

Ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả chương trình phối hợp công tác giữa Bộ và các địa phương; thực hiện hiệu quả các Nghị quyết liên tịch, chương trình phối hợp giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường với các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, các Bộ, cơ quan trung ương.

2.2. Nhiệm vụ từng lĩnh vực quản lý chuyên ngành

2.2.1. Lĩnh vực quản lý đất đai

a) Báo cáo Bộ Chính trị sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; xây dựng trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai, phát huy tiềm năng đất đai cho phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và triển khai thực các đề án thí điểm: hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án đầu tư; thế chấp tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất gắn tại ngân hàng ở nước ngoài; đổi mới cơ chế tiếp cận đất đai của các doanh nghiệp, bao gồm doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; hỗ trợ phát triển mạnh thị trường quyền sử dụng đất, bao gồm thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp.

b) Tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý đất đai và xây dựng hệ thống thông tin đất đai; tập trung cải cách hành chính liên quan đến đất đai, đơn giản hóa thủ tục cấp giấy chứng nhận, đăng ký giao dịch bảo đảm, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, thực hiện liên thông thủ tục với cơ quan thuế; nhân rộng việc thực hiện liên thông thuế, kết nối, trao đổi thông tin giữa cơ quan thuế và cơ quan tài nguyên và môi trường;

c) Khắc phục tình trạng lãng phí tài nguyên đất, để hoang hóa hoặc sử dụng sai mục đích. Các địa phương tập trung rà soát, xử lý công bố công khai các dự án nhà đầu tư chậm đưa đất vào sử dụng để lãng phí đất đai; rà soát tình hình hình sử dụng quỹ đất công ích. Đổi mới công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo hướng gắn kết liên thông với các quy hoạch ngành, lĩnh vực có sử dụng đất, tối đa hóa giá trị đất đai; thực hiện nghiêm các quy hoạch, sử dụng đất, hạn chế việc điều chỉnh, bổ sung dẫn đến phá vỡ quy hoạch tổng thể. Chủ động thu hồi đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, đầu tư kết cấu hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất; phương pháp định giá đất tiến tới một giá đất. Lập quy hoạch sử dụng đất đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.

d) Xây dựng, hoàn thiện phần mềm quản lý vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai để thực hiện thống nhất, chỉ đạo và hỗ trợ về kỹ thuật cho các địa phương đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; báo cáo đề xuất Chính phủ bố trí kinh phí hàng năm để hỗ trợ các địa phương xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, chỉ đạo các địa phương tiếp tục đầu tư kinh phí để hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, hướng tới tăng số huyện và số tỉnh đưa cơ sở dữ liệu đất đai vào vận hành sử dụng. Trình phê duyệt đề án Hoàn chỉnh công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai cho các xã biên giới đất liền.

d) Chi đạo, kiểm tra đôn đốc các địa phương hoàn thành sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp để tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc, giải quyết tranh chấp, chông lán về đất đai của các nông, lâm trường với các hộ gia đình. Triển khai đề án tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các công ty nông, lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, ban quản lý rừng và các tổ chức sự nghiệp khác, hộ gia đình, cá nhân sử dụng; tiếp tục rà soát việc quản lý, sử dụng đất nông, lâm nghiệp đối với các loại hình giao khoán, cho thuê đất gắn với các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

e) Thực hiện tốt công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, nhất là các dự án trọng điểm quốc gia, bảo đảm an sinh cho người có đất bị thu hồi, giảm khiếu kiện trong lĩnh vực đất đai. Tiếp tục chi đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện các giải pháp để hoàn thành cấp Giấy chứng nhận lần đầu theo bản đồ địa chính, trích đo địa chính có toạ độ. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thông tin phản ánh vi phạm về đất đai; tập trung thanh tra việc thực hiện thủ tục hành chính về đất đai các cấp, trọng tâm là các thủ tục về thu hồi, bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

g) Các địa phương quyết liệt triển khai hoàn thành việc sắp xếp đất đai của các công ty nông, lâm nghiệp thuộc diện phải sắp xếp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai để nâng cao chỉ số hài lòng của người dân (PAPI). Các địa phương khu vực đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long triển khai một số mô hình điểm về tích tụ, tập trung đất đai ở các tỉnh để thực hiện sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Các địa phương khu vực Tây Nguyên thực hiện một số mô hình điểm giải quyết tranh chấp, chông lán về đất đai của các nông, lâm trường, giải quyết vấn đề đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số.

2.2.2. Lĩnh vực tài nguyên nước

a) Tiếp tục triển khai nghị định về thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia về tài nguyên nước đến năm 2020. Xây dựng, trình ban hành Nghị định quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất.

b) Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông Ba, sông Trà Khúc và sông Kôn-Hà Thanh, nâng cao hiệu quả phối hợp vận hành điều tiết nước đáp ứng yêu cầu về phòng, chống, giảm lũ, cấp nước mùa cạn và phát điện của các hồ chứa.

c) Xây dựng quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước toàn quốc; quy hoạch tài nguyên nước chung cả nước đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 và Quy hoạch tài nguyên nước lưu vực sông Cửu Long.

d) Đôn đốc, kiểm tra các cơ sở khai thác sử dụng nước phải tuân thủ giấy phép khai thác sử dụng; các hồ chứa thủy lợi thủy điện nằm trong hệ thống quy

trình vận hành liên hồ chứa được kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu về hệ thống giám sát vận hành liên hồ chứa.

đ) Tiếp tục triển khai nghị định về thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; tập trung triển khai, thực hiện việc cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho các tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất.

e) Đẩy mạnh công tác điều tra tìm kiếm nguồn nước dưới đất ở vùng khan hiếm nước, thiếu nước, hải đảo; xây dựng đưa vào vận hành hệ thống quan trắc giám sát nguồn nước xuyên biên giới Việt Nam - Trung Quốc; triển khai giám sát việc vận hành hệ thống liên hồ chứa, vận hành duy trì dòng chảy tối thiểu của các hồ chứa thủy điện bằng công nghệ tự động, trực tuyến.

g) Tăng cường kiểm tra, thanh tra và kiên quyết xử lý vi phạm đối với việc vận hành giám lũ cho hạ du, điều tiết nước trong mùa cạn, bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu của các hồ theo quy trình liên hồ chứa.

h) Thành lập và sớm đưa vào hoạt động 05 Ủy ban lưu vực sông để tăng cường cơ chế điều phối, giám sát, phối hợp thực hiện, giải quyết các vấn đề liên vùng, liên ngành, liên địa phương trong khuôn khổ lưu vực sông, bảo đảm tính thống nhất trong quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước trên lưu vực sông.

i) Hợp tác, đấu tranh bảo đảm quyền, lợi ích của Việt Nam đối với các nguồn nước liên quốc gia theo các quy định của Công ước Liên hợp quốc về Luật sử dụng các nguồn nước liên quốc gia cho các mục đích phi giao thông thủy và thông lệ quốc tế; nghiên cứu, đánh giá tác động và ảnh hưởng của một số công trình thủy điện chuẩn bị được xây dựng trên dòng chính sông Mê Công, quan trắc, theo dõi, chia sẻ thông tin về các hoạt động khai thác, sử dụng nước ở ngoài biên giới phía thượng nguồn lưu vực sông Hồng, sông Mê Công. Đề xuất với Chính phủ đàm phán thiết lập cơ chế chia sẻ nguồn nước liên quốc gia.

2.2.3. Lĩnh vực địa chất và khoáng sản

a) Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Chiến lược khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Chỉ thị số 03/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản.

b) Xây dựng, hoàn thiện, trình Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý cát, sỏi lòng sông và tổ chức triển khai thực hiện; rà soát, đề xuất điều chỉnh, khoanh định bổ sung các khu vực khoáng sản dự trữ quốc gia, nhất là quặng titan sa khoáng. Lập bản đồ địa chất, khoáng sản, khu vực địa chất tai biến; bản đồ chuyên đề phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Đánh giá tiềm năng tài nguyên từng loại, nhóm khoáng sản quan trọng, di sản địa chất, công viên địa chất.

c) Tập trung nguồn lực thực hiện đề án điều tra tổng thể về khoáng sản và hoàn thiện nền bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000 vùng Tây Bắc phục vụ quy hoạch phát triển bền vững kinh tế - xã hội. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và tổ chức

thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà nước. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản, đặc biệt đẩy mạnh việc kiểm soát hoạt động khoáng sản thông qua sở giám sát hoạt động khoáng sản.

2.2.4. Lĩnh vực quản lý biển và hải đảo

a) Triển khai Đề án tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020. Hoàn thành việc xây dựng chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên - môi trường biển và hải đảo. Rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo. Tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 798/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 914/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Hoàn thiện Quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển Việt Nam và trình Quốc hội theo chỉ đạo của Chính phủ. Triển khai đồng bộ, hiệu quả phương thức quản lý tổng hợp tài nguyên biển và hải đảo, thể chế hóa cơ chế quản lý tổng hợp vùng bờ.

b) Xây dựng, bổ sung các trạm quan trắc tổng hợp tài nguyên môi trường biển, trạm radar biển, trạm phao biển; sớm đưa vào khai thác, sử dụng các trạm quan trắc tại các khu vực biển có nguồn gây ô nhiễm biển từ hoạt động của con người trên đất liền. Triển khai thực hiện Quy chế phối hợp trong cấp phép cho tàu nước ngoài thực hiện khảo sát nghiên cứu khoa học tại vùng biển Việt Nam.

c) Điều tra cơ bản tài nguyên biển, hải đảo; hợp tác trong điều tra tài nguyên môi trường biển tại vùng biển quốc tế, điều tra địa chất, khoáng sản biển sâu và giám sát, đánh giá rủi ro, khắc phục, giải quyết hậu quả sự cố tràn dầu, hóa chất trên biển; điều tra, khảo sát trên thềm lục địa của Việt Nam; hướng dẫn việc lập và quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo tại các địa phương. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật, khoa học - công nghệ cao.

d) Thực hiện đo vẽ bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1/50.000 khu vực biển Ninh Thuận - Kiên Giang. Khảo sát cơ bản về tài nguyên biển, lấy mẫu và phân tích phục vụ điều tra, đánh giá khoanh định các cấu trúc địa chất có tiềm năng và triển vọng khí hydrate tỷ lệ 1/500.000 khu vực biển Tư Chính - Vũng Mây.

2.2.5. Lĩnh vực môi trường

a) Tập trung triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 25/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; tiếp tục hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, làm công cụ hiệu quả để lựa chọn, sàng lọc các loại hình sản xuất và công nghệ sản xuất trong thu hút đầu tư.

b) Xây dựng và hoàn thành phương án triển khai công tác điều tra, đánh giá, phân loại và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về nguồn thải. Hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án kiểm soát đặc biệt đối với dự án, cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao. Triển khai xây dựng các đề án: tăng cường năng lực quản lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn; quan trắc, cảnh báo về môi trường vùng kinh tế trọng điểm, khu vực tập trung nhiều nguồn thải và khu vực nhạy cảm về môi trường giai đoạn 2018-2025 định hướng 2030; tăng cường quản lý đa dạng sinh học tại các khu bảo tồn thiên nhiên; cơ chế đột phá huy động nguồn lực, thu hút đầu tư, xã hội hóa bảo vệ môi trường phát triển ngành công nghiệp công nghệ môi trường để rác thải thành tài nguyên được tái chế, tái sử dụng và xử lý kết hợp với thu hồi năng lượng; đề xuất các giải pháp mô hình công nghệ xử lý chất thải rắn nông thôn và làng nghề. Thực hiện Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Triển khai xây dựng hệ thống quan trắc môi trường biển 4 tỉnh miền trung.

c) Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định, đánh giá tác động môi trường, kiên quyết loại trừ quan điểm sản xuất trước, làm sạch sau trong quá trình thu hút triển khai dự án đầu tư. Tăng cường hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường; chủ động phát hiện và xử lý kịp thời, có tính răn đe đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường nước, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tập trung vào các khu chưa đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung; hoàn thiện Kế hoạch kiểm soát ô nhiễm môi trường làng nghề, xây dựng Hướng dẫn kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm cho 08 loại hình làng nghề.

d) Các địa phương vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, phía Nam và vùng đồng bằng sông Cửu Long; đề xuất, triển khai một số mô hình điểm về xử lý chất thải rắn bằng công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường, thu hồi năng lượng từ rác; các địa phương triển khai một số mô hình điểm về xử lý chất thải nông thôn và làng nghề.

2.2.6. Lĩnh vực biến đổi khí hậu

a) Xây dựng các cơ chế, chính sách quản lý hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; hoàn thiện, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về lộ trình, phương thức cắt giảm phát thải khí nhà kính theo các quy định của quốc tế và các cam kết của Việt Nam. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu trên phạm vi toàn quốc; phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương huy động nguồn lực quốc tế, nguồn lực xã hội triển khai có hiệu quả Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu, Chương trình SP-RCC, Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh 2016 - 2020, đặc biệt chỉ đạo xây dựng lộ trình hành động cụ thể đối với Kế hoạch triển khai thỏa thuận Paris về khí hậu và thực hiện rà soát và cập nhật đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam. Lồng ghép mục tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu và

giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo các quy định của quốc tế và các cam kết của Việt Nam vào các Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội ngành tài nguyên và môi trường. Xây dựng đề án thích ứng với biến đổi khí hậu phát triển bền vững vùng Duyên hải miền Trung. Đẩy nhanh hình thành thị trường tín chỉ cac-bon; thiết lập hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm tra (MRV) cho các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp quốc gia.

b) Xây dựng và triển khai kế hoạch tổng thể thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu và nghiên cứu các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu ở khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và các vùng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của biến đổi khí hậu.

2.2.7. Lĩnh vực khí tượng thủy văn

a) Tăng cường năng lực, công nghệ dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn với độ tin cậy ngang mức tiên tiến của khu vực châu Á phục vụ công tác chỉ đạo phòng tránh thiên tai. Huy động nguồn lực xã hội trong thực hiện Chiến lược phát triển ngành khí tượng thủy văn đến năm 2020. Xây dựng, hiện đại hóa mạng lưới trạm khí tượng thủy văn, mạng lưới định vị sét bằng nguồn vốn đầu tư của nhà nước, nguồn vốn xã hội hóa; triển khai phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai. Xây dựng các hệ thống hỗ trợ kỹ thuật, hệ thống giám sát biến đổi khí hậu, hạn hán, xâm nhập mặn cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long, khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

b) Hoàn thiện hệ thống kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khí tượng thủy văn của Việt Nam và tăng cường năng lực cho chính quyền địa phương trong quản lý hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn. Tăng cường công tác phối hợp giữa cơ quan dự báo khí tượng thủy văn và các địa phương để chủ động, nâng cao hiệu quả trong công tác phòng chống thiên tai; tuyên truyền để người dân chủ động trong phòng tránh thiên tai nhất là tại các khu vực dễ bị tổn thương bởi các hiện tượng thời tiết cực đoan; sẵn sàng ứng phó kịp thời, hiệu quả các sự cố, thiên tai và cứu hộ, cứu nạn.

2.2.8. Lĩnh vực đo đạc, bản đồ

a) Điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển ngành đo đạc và bản đồ đến năm 2030, định hướng phát triển đến năm 2035; xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia (NSDI) phục vụ Chính phủ điện tử, quản lý lãnh thổ, biên giới quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, phòng chống thiên tai và bảo vệ môi trường.

b) Hoàn thiện và hiện đại hóa hệ quy chiếu quốc gia, hệ thống lưới điểm tọa độ, độ cao, trọng lực quốc gia được kết nối theo trạng thái động với hệ quy chiếu quốc tế, hệ thống thông tin địa lý được tổ chức dưới dạng cơ sở dữ liệu nền địa lý với các loại bản đồ địa hình có đầy đủ các lớp thông tin theo chuẩn quốc tế và hoàn thiện, cập nhật bộ cơ sở dữ liệu nền thông tin địa lý tỷ lệ 1/2.000, 1/5.000 và 1/10.000. Xây dựng mô hình số độ cao độ chính xác cao khu vực đồng bằng ven biển phục vụ công tác nghiên cứu, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

c) Đẩy mạnh công tác biên giới và địa giới, công tác phân giới cắm mốc, cắm bổ sung trên thực địa tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia và giải quyết các khu vực tồn đọng; tiếp tục hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa giới hành chính.

2.2.9. Lĩnh vực viễn thám

a) Xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo quản lý, ứng dụng viễn thám trên phạm vi cả nước. Xây dựng và hoàn thiện Quy hoạch tổng thể phát triển lĩnh vực viễn thám quốc gia đến năm 2025, xây dựng Trạm dò tìm, tiếp nhận dữ liệu và Trung tâm xử lý dữ liệu ảnh vệ tinh, triển khai giám sát một số vùng biển, đảo trọng điểm xa bờ bằng công nghệ viễn thám phục vụ phát triển kinh tế xã hội và bảo đảm an ninh quốc phòng. Tổ chức giám sát diễn biến xấu về tài nguyên và môi trường, giám sát tài nguyên môi trường biển, giám sát hoạt động khai thác và sử dụng tài nguyên nước ngoài biên giới và giám sát tình hình thực hiện quy hoạch sử dụng đất bằng công nghệ viễn thám.

b) Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc chia sẻ tài nguyên về vệ tinh, trao đổi dữ liệu viễn thám, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ viễn thám trong giám sát tài nguyên thiên nhiên và môi trường, đặc biệt là ứng dụng công nghệ viễn thám giám sát thiên tai. Triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng hiện đại, đồng bộ, phục vụ cho việc thu nhận, xử lý dữ liệu viễn thám, đáp ứng kịp thời nguồn dữ liệu viễn thám phục vụ công tác điều tra cơ bản và giám sát tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.3. Danh mục các nhiệm vụ chủ yếu

Danh mục các nhiệm vụ chủ yếu thực hiện Chương trình hành động kèm theo, gồm:

a) Phụ lục 1: Danh mục văn bản quy phạm pháp luật ban hành năm 2018.

b) Phụ lục 2: Danh mục nhiệm vụ, dự án chủ yếu thực hiện năm 2018.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đồng chí Lãnh đạo Bộ theo lĩnh vực công tác, địa bàn được phân công chịu trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình này.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng Chương trình công tác năm 2018 của đơn vị nhằm cụ thể hoá, cập nhật thường xuyên các nhiệm vụ phát sinh và có kế hoạch triển khai hiệu quả từng nhiệm vụ trong Chương trình hành động này, trong đó phân công rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cán bộ đầu mối, ban hành trước ngày 20 tháng 01 năm 2018 và gửi về Bộ qua Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính để theo dõi đôn đốc.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước Bộ trưởng về việc chất lượng và tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chương trình này; chủ

động xử lý, phối hợp xử lý theo thẩm quyền, hoặc đề xuất với Bộ xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.

c) Báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động hàng tháng trước ngày 25, hàng quý trước ngày 15 của tháng cuối quý gửi Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính để phục vụ Bộ trưởng tham dự các phiên họp Chính phủ.

d) Sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao đề xuất các giải pháp chỉ đạo điều hành của Chính phủ và của Bộ gửi Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính trước ngày 15 tháng 6 và 15 tháng 11 năm 2018 để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng.

3. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Trên cơ sở kế hoạch, chương trình hành động của địa phương và Chương trình hành động này, xây dựng Chương trình công tác năm 2018 của ngành tài nguyên và môi trường tại địa phương; lựa chọn một số nội dung, chủ đề, mô hình để đề xuất với Ủy ban các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí ngân sách địa phương thực hiện và báo cáo về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Tăng cường công tác truyền thông, trao đổi, học tập kinh nghiệm của các địa phương để phát huy, nhân rộng các mô hình tốt về quản lý tài nguyên và môi trường; chủ động tham mưu với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về các giải pháp đột phá trong công tác nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động hàng quý trước ngày 15 của tháng cuối quý, trong đó lưu ý kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ và các mô hình điểm gửi Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch-Tài chính để tổng hợp.

d) Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao đề xuất các giải pháp chỉ đạo điều hành của Chính phủ và của Bộ gửi Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính trước ngày 15 tháng 11 năm 2018 để tổng hợp.

4. Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, xây dựng Quy chế phối hợp giữa Bộ với các địa phương, trình Bộ trưởng xem xét, ban hành trong tháng 03 năm 2018.


5. Vụ Thi đua và Khen thưởng và tuyên truyền phối hợp Trung tâm Truyền thông tài nguyên và môi trường, Báo Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan tổ chức phổ biến, tuyên truyền về nội dung và kết quả thực hiện Chương trình hành động này.

6. Văn phòng Bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ định kỳ 6 tháng/lần tổ chức Hội nghị của Bộ trưởng với Giám đốc các Sở Tài nguyên và Môi trường theo từng nội dung chuyên đề; tiếp tục hoàn thiện phần mềm tra cứu nhanh văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường đáp ứng nhu

cầu tra cứu của các đơn vị trực thuộc Bộ, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, doanh nghiệp và người dân.

7. Giao Tổ Công tác được thành lập theo Quyết định số 2016/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 9 năm 2016 có trách nhiệm giúp Bộ trưởng thực hiện nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình hành động này.

8. Vụ Kế hoạch - Tài chính tổng hợp định kỳ báo cáo Bộ trưởng và các cơ quan chức năng theo quy định./.

 H

BỘ TRƯỞNG



Trần Hồng Hà

Phụ lục I:
DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BAN HÀNH NĂM 2018
(Kèm theo Chương trình hành động của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ)

STT	NỘI DUNG	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp chính	Thời hạn hoàn thành
I	Nhiệm vụ chung			
1	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khoáng sản, Luật tài nguyên nước, Luật khí tượng thủy văn, Luật đa dạng sinh học, Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.	Vụ Pháp chế	Các Tổng cục trực thuộc Bộ; Cục Quản lý tài nguyên nước; Cục Biến đổi khí hậu	6/2018
2	Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Vụ Pháp chế	Các Tổng cục, các Cục trực thuộc Bộ	5/2018
3	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2012/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2012 quy định về phương tiện, thiết bị kỹ thuật của thanh tra tài nguyên và môi trường	Thanh tra Bộ	Vụ Pháp chế	6/2018
4	Thông tư hướng dẫn về hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Vụ Tổ chức cán bộ	Vụ Pháp chế	9/2018
5	Thông tư ban hành chế độ báo cáo thống kê ngành tài nguyên và môi trường	Vụ Kế hoạch- Tài chính	Vụ Pháp chế	10/2018
6	Thông tư quy định về công tác thi đua, khen thưởng ngành tài nguyên và môi trường	Vụ Thi đua Khen thưởng và Tuyên truyền	Vụ Pháp chế	10/2018
7	Thông tư quy định chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo thuộc ngành tài nguyên và môi trường	Vụ Tổ chức cán bộ	Vụ Pháp chế	10/2018
8	Thông tư quy định về thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường	Vụ Pháp chế	10/2018

OL

4

STT	NỘI DUNG	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp chính	Thời hạn hoàn thành
II	Lĩnh vực đất đai			
9	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai năm 2013	Tổng cục Quản lý đất đai	Vụ Pháp chế	9/2018
10	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai		Vụ Pháp chế	8/2018
11	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế thí điểm giao đất, cho thuê đất đối với các phần đất nhỏ hẹp cho các chủ sử dụng đất liền kề trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh		Vụ Pháp chế	6/2018
12	Thông tư quy định chi tiết Nghị định quy định về xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác sử dụng hệ thống thông tin đất đai		Vụ Pháp chế; Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường	9/2018
13	Thông tư quy định chi tiết Nghị định quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực đất đai		Vụ Pháp chế	9/2018
14	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất		Vụ Pháp chế	10/2018
III	Lĩnh vực Tài nguyên nước			
15	Nghị định quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất	Cục Quản lý tài nguyên nước	Vụ Pháp chế	6/2018
16	Thông tư quy định nội dung, biểu mẫu, báo cáo trong lĩnh vực tài nguyên nước		Vụ Pháp chế	10/2018
17	Thông tư quy định về điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất		Vụ Pháp chế	10/2018

STT	NỘI DUNG	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp chính	Thời hạn hoàn thành
IV	Lĩnh vực Địa chất khoáng sản			
18	Nghị định quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Vụ Pháp chế	5/2018
19	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		Vụ Pháp chế	8/2018
20	Thông tư ban hành định mức kinh tế- kỹ thuật công tác phân tích XRF bằng thiết bị cầm tay hoặc di động để xác định hàm lượng các nguyên tố hóa học trong mẫu đất		Vụ Pháp chế; Vụ Kế hoạch-Tài chính	9/2018
21	Thông tư quy định kỹ thuật công tác bay đo từ và trọng lực biển		Vụ Pháp chế; Vụ Khoa học và Công nghệ	10/2018
V	Lĩnh vực Biển và hải đảo			
22	Nghị định thay thế Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Vụ Pháp chế	9/2018
23	Thông tư ban hành định mức kinh tế-kỹ thuật đo vẽ bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1:5.000		Vụ Pháp chế; Vụ Khoa học và Công nghệ	8/2018
24	Thông tư quy định kỹ thuật về khắc phục sự cố môi trường do dầu tràn trên biển		Vụ Pháp chế; Vụ Kế hoạch-Tài chính	10/2018
VI	Lĩnh vực Môi trường			
25	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo vệ môi trường và các luật có liên quan đến bảo vệ môi trường	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế	9/2018
26	Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường		Vụ Pháp chế	2/2018

OC

STT	NỘI DUNG	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp chính	Thời hạn hoàn thành
27	Nghị định về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế	10/2018
28	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi và bổ sung Danh mục các loài nguy cấp, quý hiếm ưu tiên bảo vệ		Vụ Pháp chế	2/2018
29	Thông tư quy định về tiêu chí xác định loài ngoại lai xâm hại và ban hành danh mục loài ngoại lai xâm hại		Vụ Pháp chế	10/2018
VII	Lĩnh vực Khí tượng thủy văn			
30	Thông tư quy định kỹ thuật về thu nhận, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu khí tượng thủy văn cho mạng lưới các trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng	Tổng cục Khí tượng thủy văn	Vụ Pháp chế; Vụ Khoa học và Công nghệ	10/2018
VIII	Lĩnh vực Biến đổi khí hậu			
31	Nghị định quy định lộ trình và phương thức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính	Cục Biến đổi khí hậu	Vụ Pháp chế	5/2018
IX	Lĩnh vực đo đạc và bản đồ			
32	Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật đo đạc và bản đồ	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Vụ Pháp chế	8/2018
33	Thông tư quy định kỹ thuật về xây dựng bộ bản đồ chuẩn biên giới quốc gia và thể hiện đường biên giới quốc gia, chủ quyền lãnh thổ trên các sản phẩm bản đồ		Vụ Pháp chế	6/2018
34	Thông tư quy định về kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ		Vụ Pháp chế	7/2018
35	Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm đo đạc và bản đồ		Vụ Pháp chế; Vụ Kế hoạch-Tài chính	8/2018

al

H

STT	NỘI DUNG	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp chính	Thời hạn hoàn thành
36	Thông tư ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế-xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hà Nam		Vụ Pháp chế	8/2018
37	Thông tư ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế-xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ thành phố Cần Thơ		Vụ Pháp chế	8/2018
38	Thông tư ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế-xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hậu Giang		Vụ Pháp chế	8/2018
39	Thông tư ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế-xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Sóc Trăng		Vụ Pháp chế	9/2018
40	Thông tư ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế-xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Bạc Liêu	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Vụ Pháp chế	9/2018
41	Thông tư ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế-xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Cà Mau		Vụ Pháp chế	9/2018
42	Thông tư ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế-xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Ninh		Vụ Pháp chế	10/2018
X	Lĩnh vực Viễn thám			
43	Nghị định về hoạt động viễn thám		Vụ Pháp chế	8/2018
44	Thông tư quy định quy trình thành lập bản đồ nhiệt độ bề mặt nước biển và bản đồ hàm lượng diệp lục bề mặt nước biển tỷ lệ 1: 500.000 và nhỏ hơn bằng dữ liệu viễn thám quang học độ phân giải thấp	Cục Viễn thám quốc gia	Vụ Pháp chế; Vụ Khoa học và Công nghệ	8/2018

OK

H

Phụ lục II:**DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CHỦ YẾU THỰC HIỆN NĂM 2018**

(Kèm theo Chương trình hành động của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ)

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp chính	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	NHIỆM VỤ CHUNG				
1	Tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Văn phòng Bộ	- Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường - Các Tổng cục, các Cục quản lý nhà nước; - Các đơn vị trực thuộc Bộ.	2018 và các năm tiếp theo	
2	Tăng cường đổi mới phương thức, lề lối làm việc của cơ quan; giám hội họp; đơn giản hoá chế độ báo cáo; xử lý dứt điểm và công khai kết quả xử lý các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính trong lĩnh vực TNMT		- Vụ Tổ chức cán bộ; - Các đơn vị thuộc Bộ; - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương.	2018 và các năm tiếp theo	
3	Sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa XI) về chủ động ứng phó với Biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.		- Viện Chiến lược, chính sách tài nguyên và môi trường; - Các đơn vị trực thuộc Bộ. - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương.	Tháng 4/2018	
4	Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý đầu thầu; đẩy mạnh đầu thầu qua mạng theo lộ trình của Thủ tướng Chính phủ.		Các đơn vị có dự án đầu tư.	2018	
5	Tăng cường công tác theo dõi, đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong quản lý ngân sách nhà nước. Làm rõ trách nhiệm, xử lý nghiêm các tổ chức và cá nhân vi phạm, đặc biệt là các tổ chức, cá nhân gây chậm trễ việc thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2018 gây thất thoát, lãng phí nguồn lực của nhà nước.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị có dự án đầu tư.	2018	
6	Chủ động rà soát tiến độ thực hiện làm căn cứ để xem xét việc điều chỉnh kế hoạch vốn đã phân bổ cho các chương trình, dự án không có khả năng giải ngân sang các chương trình, dự án có khả năng		- Vụ Hợp tác quốc tế; - Các đơn vị có dự án đầu tư.	Quý 1/2018	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp chính	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	giải ngân tốt, ưu tiên các chương trình, dự án kết thúc Hiệp định năm 2018.				
7	Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực thuộc ngành tài nguyên và môi trường.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	- Vụ Tổ chức cán bộ; - Vụ Khoa học và Công nghệ; - Các đơn vị trực thuộc Bộ.	2018	
8	Triển khai việc cơ cấu lại, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo đúng Đề án, tiến độ, lộ trình đề ra, không dồn việc thoái vốn vào cuối giai đoạn (năm 2019 - 2020); kiên quyết thoái hết vốn nhà nước tại các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ theo cơ chế thị trường, xử lý nghiêm các trường hợp cố tình chậm triển khai, trong đó có trách nhiệm của người đứng đầu.		- Vụ Tổ chức cán bộ; - Vụ Pháp chế; - Các đơn vị trực thuộc Bộ.	2018	
9	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, chiến lược phát triển các lĩnh vực thuộc ngành tài nguyên và môi trường đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030		Các đơn vị trực thuộc Bộ.	2018 và các năm tiếp theo	
10	Nghiên cứu, xây dựng và thực hiện các giải pháp tạo chuyển biến mạnh mẽ, cải thiện căn bản các chỉ tiêu về môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh; thường xuyên tổ chức các cuộc đối thoại với doanh nghiệp, kịp thời xử lý những phản ánh và kiến nghị của doanh nghiệp.		- Văn phòng Bộ; - Vụ Pháp chế; - Vụ Tổ chức cán bộ; - Các đơn vị trực thuộc Bộ. - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương.	2018	
11	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khoáng sản, Luật tài nguyên nước, Luật khí tượng thủy văn, Luật đa dạng sinh học, Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.	Vụ Pháp chế	- Vụ Kế hoạch - Tài chính; - Vụ Tổ chức cán bộ; - Văn phòng Bộ - Các Tổng cục: Địa chất và Khoáng sản Việt Nam; Biển và Hải đảo Việt Nam; Môi trường; Khí tượng thủy văn; - Cục Quản lý Tài nguyên nước; - Các đơn vị trực thuộc Bộ.		
12	Tập trung cải cách thủ tục hành chính, tháo gỡ các cơ chế, chính sách liên quan đến đất đai, môi trường. Tiếp tục cắt, giảm, đơn giản hóa thủ tục kiểm tra chuyên ngành, điều kiện kinh doanh và chi phí cho doanh nghiệp.		- Vụ Kế hoạch - Tài chính; - Vụ Tổ chức cán bộ; - Văn phòng Bộ - Tổng cục: Quản lý đất đai, Môi trường;	2018 và các năm tiếp theo	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp chính	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
			- Các đơn vị trực thuộc Bộ.		
13	Xây dựng đề án nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường, bảo đảm tính hợp pháp, đồng bộ, thống nhất, khả thi và phù hợp với hội nhập quốc tế; Khắc phục dứt điểm tình trạng nợ đọng việc ban hành các văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh.	Vụ Pháp chế	Các đơn vị trực thuộc Bộ.	Quý 4/2018	
14	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo vệ môi trường và các luật có liên quan đến bảo vệ môi trường		- Tổng cục Môi trường; - Các cơ quan liên quan; - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương	2018	
15	Nghiên cứu và xây dựng Đề án chuyển giao cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội có đủ năng lực đảm nhiệm một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công của các lĩnh vực thuộc ngành tài nguyên và môi trường mà các cơ quan hành chính nhà nước không nhất thiết phải thực hiện.		- Văn phòng Bộ - Vụ Kế hoạch - Tài chính; - Các đơn vị trực thuộc Bộ. - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương.	Tháng 11/2018	
16	Tiếp tục triển khai đồng bộ các nội dung cải cách hành chính theo quy định tại Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011, Nghị quyết số 36a/NQ-CP, Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2016, Quyết định số 609/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2017; tăng cường giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; tăng cường công tác tuyên truyền cải cách hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.	Vụ Tổ chức cán bộ	- Văn phòng Bộ; - Vụ Pháp chế; - Cục Công nghệ thông tin; - Các đơn vị trực thuộc Bộ. - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương.	2018 và các năm tiếp theo	
17	Xây dựng Chương trình hành động thực Nghị quyết Trung ương 6 về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của ngành tài nguyên và môi trường tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh cải cách hành chính nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành của ngành tài nguyên và môi trường từ trung ương đến địa phương; tổ chức triển khai thực hiện.		- Các đơn vị trực thuộc Bộ. - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương.	Tháng 2/2018	
18	Kiểm toán, sắp xếp, thu gọn đầu mối bên trong của các đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường theo hướng thực hiện giảm đầu mối trực thuộc; không thành lập mới tổ chức trung gian; giải thể hoặc sắp xếp lại các cơ quan, tổ chức hoạt động không hiệu quả; sắp xếp		Các đơn vị thuộc Bộ.	2018 và các năm tiếp theo	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp chính	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	lại, giảm tối đa số lượng phòng trong cục.				
19	Giảm đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm mục tiêu đến năm 2021 giảm 10% đơn vị sự nghiệp so với năm 2015	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị thuộc Bộ.	Quý IV/2018	
20	Tổ chức thực tình giảm biên chế tại các đơn vị theo đúng đề án đã được phê duyệt		Các đơn vị thuộc Bộ.	2018 và các năm tiếp theo	
21	Hoàn thiện, phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm trong các tổ chức hành chính theo danh mục đã được phê duyệt, làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức		Các đơn vị thuộc Bộ.	Tháng 3/2018	
22	Tổng hợp các đơn vị chưa sử dụng hết số biên chế được giao; đề xuất phương án tiếp tục cắt giảm tối thiểu 1,7% biên chế được giao so với năm 2015.		Các đơn vị thuộc Bộ.	Tháng 3/2018	
23	Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và của cán bộ, công chức trong thi hành nhiệm vụ, công vụ.		- Vụ Pháp chế; - Văn phòng Bộ; - Các đơn vị thuộc Bộ.	2018 và các năm tiếp theo	
24	Xây dựng Quy chế phối hợp giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường với các địa phương	- Các đơn vị thuộc Bộ. - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương.	Tháng 3/2018		
25	Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, làm tốt công tác dân vận, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể trong vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước góp phần tạo đồng thuận xã hội.	Vụ Thi đua khen thưởng và Tuyên truyền	- Báo TN&MT; Tạp chí TN&MT; - Trung tâm Truyền thông tài nguyên và môi trường; - Các đơn vị trực thuộc Bộ; - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương.	2018	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp chính	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
26	Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa các cơ quan chức năng để trao đổi cung cấp thông tin về tham nhũng. Đẩy mạnh thanh tra trách nhiệm thực thi công vụ; thanh tra đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng. Xử lý kiên quyết, kịp thời các hành vi tham nhũng, thu hồi triệt để tài sản của Nhà nước bị chiếm đoạt, thất thoát.		Các đơn vị trực thuộc Bộ.	2018	
27	Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng và thực hiện nghiêm Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương về phòng chống tham nhũng. Tăng cường phòng chống, phát hiện, xử lý nghiêm các vụ việc tham nhũng; đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng nghiêm trọng, được xã hội quan tâm; thu hồi triệt để tài sản bị thất thoát.	Thanh tra Bộ	- Vụ Thi đua khen thưởng và Tuyên truyền; - Vụ Kế hoạch - Tài chính; - Báo Tài nguyên và Môi trường; Tạp chí tài nguyên và môi trường; - Trung tâm truyền thông tài nguyên và môi trường - Các đơn vị trực thuộc Bộ.	2018	
28	Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 Khóa X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020.	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	- Văn phòng Ban Cán sự Đảng Bộ TN&MT; - Vụ Kế hoạch - Tài chính; - Các đơn vị trực thuộc Bộ; - Sở TNMT 28 tỉnh và Thành phố ven biển.	2018	
29	Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại	Tổng cục Quản lý đất đai	- Văn phòng Ban Cán sự Đảng Bộ TN&MT; - Vụ Pháp chế; - Vụ Kế hoạch - Tài chính; - Các đơn vị trực thuộc Bộ; - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương.	2018	
30	Xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia ngành tài nguyên và môi trường.	Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi	- Các Tổng cục, Cục quản lý nhà nước; - Các đơn vị trực thuộc Bộ; - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương.	2018 và các năm tiếp theo	

CH

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp chính	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
		trường			
31	Tập hợp, số hóa và cập nhật vào các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường để tích hợp, chia sẻ dữ liệu. Đẩy mạnh việc xây dựng và sử dụng các phần mềm dùng chung, cơ sở dữ liệu, bảo đảm tính tương thích, đồng bộ và thông suốt.	Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường	- Các đơn vị trực thuộc Bộ; - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương.	2018 và các năm tiếp theo	
32	Xây dựng Đề án hệ thống cơ sở dữ liệu liên ngành về đồng bằng sông Cửu Long phục vụ phát triển bền vững và thích ứng với Biến đổi khí hậu.		- Cục Biến đổi khí hậu; - Vụ Kế hoạch - Tài chính; - Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố vùng Đồng bằng sông Cửu Long.	2018	
33	Ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, xử lý công việc thông qua việc sử dụng phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc, hệ thống thư điện tử công vụ.		Các đơn vị trực thuộc Bộ	2018	
34	Xây dựng hệ thống tương tác trong chỉ đạo điều hành giữa Bộ TNMT với các Sở TNMT các địa phương, tích hợp trên cổng thông tin điện tử của Bộ.		VP Bộ; các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ; các Sở TNMT các địa phương.	2018 và các năm tiếp theo	
35	Xây dựng hệ thống thông tin báo cáo tổng hợp ngành tài nguyên và môi trường phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.		VP Bộ; các đơn vị trực thuộc Bộ; các Sở TNMT các địa phương	2018	
36	Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, năng lực thực thi chính sách pháp luật về tài nguyên và môi trường, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cộng đồng doanh nghiệp.	Trung tâm Truyền thông Tài nguyên và Môi trường	- Các đơn vị trực thuộc Bộ; - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan	2018 và các năm tiếp theo	
37	Xây dựng, triển khai các chương trình, mô hình truyền thông về tài nguyên và môi trường trên các phương tiện truyền thông đại chúng (báo hình, báo viết, báo nói, báo điện tử...); Phối hợp tổ chức có hiệu quả các ngày lễ lớn, sự kiện về tài nguyên và môi trường trong năm; Tổ chức thực hiện, xét tặng các giải thưởng về tài nguyên và môi trường Việt Nam.		- Các đơn vị trực thuộc Bộ; - Các cơ quan liên quan; - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan;	2018 và các năm tiếp theo	

OK

H

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp chính	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
38	Tổ chức các diễn đàn tuyên truyền chính sách, pháp luật về tài nguyên và môi trường cho các đối tượng khác nhau; Tổ chức thực hiện các chương trình truyền thông, nâng cao nhận thức và giáo dục ngoại khóa về tài nguyên và môi trường.	Trung tâm Truyền thông Tài nguyên và Môi trường	- Các đơn vị trực thuộc Bộ; - Các cơ quan liên quan; - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan;	2018 và các năm tiếp theo	
39	Tổ chức thực hiện các Nghị quyết liên tịch, Chương trình, Quy chế phối hợp giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường với các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, các Bộ, cơ quan trung ương; phổ biến, hướng dẫn, tăng cường năng lực cho các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp thực hiện chức năng giám sát, phản biện và tham vấn cộng đồng về tài nguyên và môi trường.		- Các đơn vị trực thuộc Bộ; - Các cơ quan liên quan; - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan;	2018 và các năm tiếp theo	
40	Xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình truyền thông về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.		- Các đơn vị trực thuộc Bộ; - Các cơ quan liên quan; - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long.	2018 và các năm tiếp theo	
II	LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI				
41	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai năm 2013	Tổng cục Quản lý đất đai	- Vụ Pháp chế; - Các đơn vị trực thuộc Bộ; - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương	2018	
42	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế thí điểm giao đất, cho thuê đất đối với các phần đất nhỏ hẹp cho các chủ sử dụng đất liền kề trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh		- Vụ Pháp chế; - Các đơn vị trực thuộc Bộ; - Sở TNMT thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 7/2018	
43	Đề án điều tra, đánh giá xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai, phát huy tiềm năng đất đai cho phát triển kinh tế - xã hội.		- Các đơn vị trực thuộc Bộ; - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương.	2018	
44	Xây dựng Đề án thí điểm cho nhà đầu tư nước ngoài nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để sản xuất nông nghiệp		- Vụ Pháp chế - Các đơn vị trực thuộc Bộ; - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương.	2018	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp chính	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
45	Quy hoạch sử dụng đất vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với Biến đổi khí hậu.		- Cục Biến đổi khí hậu; - Các đơn vị trực thuộc Bộ; - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương.	2018	
46	Điều tra, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đối với quỹ đất nông nghiệp dành cho công ích và quỹ đất chưa sử dụng của Ủy ban nhân dân cấp xã trên phạm vi cả nước	Tổng cục Quản lý đất đai	Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương	2018	
47	Đề án hoàn chỉnh cho công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai cho các xã biên giới đất liền		Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương	2018	
48	Đề án thí điểm việc thế chấp tài sản gắn liền với đất tại các ngân hàng ở nước ngoài.		- Cơ quan liên quan - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương	2018	
49	Đề án hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án đầu tư.		Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương	2018	
III	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC				
50	Xây dựng quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước toàn quốc; quy hoạch tài nguyên nước chung cả nước đến năm 2025, định hướng đến năm 2035	Cục Quản lý Tài nguyên nước	- Các đơn vị trực thuộc Bộ; - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương	2018 và các năm tiếp theo	
51	Điều chỉnh, bổ sung quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực các sông Ba, sông Trà Khúc và sông Kôn-Hà Thanh		- Các đơn vị trực thuộc Bộ; - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan	2018	
52	Điều tra, đánh giá tổng thể nguồn nước, cảnh báo, dự báo phòng chống khô hạn, xâm nhập mặn ứng phó với biến đổi khí hậu khu vực Nam trung Bộ và Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long	Trung tâm Quy hoạch và điều tra tài nguyên nước quốc gia	- Các đơn vị trực thuộc Bộ; - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan	2018 và các năm tiếp theo	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp chính	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
IV	LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN				
53	Điều tra tổng thể về khoáng sản và hoàn thiện bản đồ địa chất tỷ lệ 1/50.000 vùng Tây Bắc phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	- Các đơn vị trực thuộc Bộ - Sở TNMT các tỉnh vùng Tây Bắc	2018 và các năm tiếp theo	
54	Rà soát, đề xuất điều chỉnh, khoanh định bổ sung các khu vực khoáng sản dự trữ quốc gia, nhất là quặng titan sa khoáng	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	- Các đơn vị trực thuộc Bộ - Sở TNMT các tỉnh, thành phố có liên quan	2018	
V	LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO				
55	Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ.		- Các đơn vị trực thuộc Bộ; - Sở TNMT 28 tỉnh và Thành phố ven biển.	2018	
56	Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	- Các đơn vị trực thuộc Bộ; - Sở TNMT 28 tỉnh và Thành phố ven biển.	2018	
57	Tổng kết thực hiện Đề án tổng thể về điều tra cơ bản và quản lý tài nguyên và môi trường biển đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020		- Các đơn vị trực thuộc Bộ; - Sở TNMT 28 tỉnh và Thành phố ven biển.	Tháng 6/2018	
VI	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG				
58	Hoàn thành việc rà soát, đề xuất, xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường bảo đảm thống nhất, đồng bộ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội gắn với nhiệm vụ bảo vệ môi trường và hội nhập quốc tế		- Vụ Pháp chế; - Vụ Hợp tác quốc tế.	2018 và các năm tiếp theo	
59	Nâng cao chất lượng công tác thẩm định, kiểm soát chặt chẽ việc đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư.	Tổng cục Môi trường	Các đơn vị trực thuộc Bộ	2018 và các năm tiếp theo	
60	Xây dựng hệ thống quan trắc biển 4 tỉnh miền trung		Các đơn vị trực thuộc Bộ	2018 và các năm tiếp	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp chính	Thời gian hoàn thành theo	Ghi chú
61	Xây dựng Đề án tổng thể về tăng cường năng lực quản lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn		- Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương; - Các đơn vị liên quan.	2018	
62	Xây dựng Đề án về quan trắc, cảnh báo về môi trường vùng kinh tế trọng điểm, khu vực tập trung nhiều nguồn thải và khu vực nhạy cảm về môi trường giai đoạn 2018-2025 định hướng 2030		- Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương liên quan; - Các đơn vị liên quan.	2018	
63	Xây dựng Đề án tăng cường năng lực bảo tồn đa dạng sinh học tại các khu bảo tồn và hành lang đa dạng sinh học	Tổng cục Môi trường	- Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương liên quan; - Các đơn vị liên quan.	2018	
VII LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN					
64	Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; cung cấp thông tin phục vụ di dân tái định cư ra khỏi vùng có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất.		- Cục Biến đổi khí hậu; - Viện Khoa học KTTV và BDKH - Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương.	2018 và các năm tiếp theo	
65	Tăng cường công tác phối hợp giữa cơ quan dự báo khí tượng thủy văn và các địa phương để chủ động, nâng cao hiệu quả trong công tác phòng chống thiên tai; tăng cường tuyên truyền để người dân chủ động trong phòng tránh thiên tai nhất là tại các khu vực dễ bị tổn thương bởi các hiện tượng thời tiết cực đoan	Tổng cục Khí tượng thủy văn	- Cục Biến đổi khí hậu; - Viện Khoa học KTTV và BDKH - Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản - Vụ Thi đua khen thưởng và tuyên truyền - Báo Tài nguyên và Môi trường - Các đơn vị trực thuộc Bộ - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương.	2018	
66	Xây dựng chương trình cập nhật phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai, đặc biệt là các thiên tai liên quan đến bão, nước dâng do bão, lũ, lũ quét, trượt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn	Viện Khoa học KTTV và BDKH	- Các đơn vị trực thuộc Bộ - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương	Quý 1/2018	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp chính	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
67	Xây dựng đề án Thích ứng với biến đổi khí hậu phát triển bền vững vùng Duyên hải Miền Trung		- Các đơn vị trực thuộc Bộ - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố khu vực duyên hải Miền Trung	Quý 1/2018	
VIII	LĨNH VỰC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU				
68	Tiếp tục triển khai Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về thích ứng với Biến đổi khí hậu (COP21), nhằm phát triển bền vững (SDGs) và tăng trưởng xanh	Cục Biến đổi khí hậu	- Vụ Kế hoạch - Tài chính - Các đơn vị trực thuộc Bộ	2018 và các năm tiếp theo	
69	Kế hoạch tổng thể thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ	Cục Biến đổi khí hậu	- VP Ban Cán sự Đảng; - Vụ Kế hoạch - Tài chính; - Các đơn vị trực thuộc Bộ; - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố khu vực Đồng bằng sông Cửu Long	Tháng 6/2018	
70	Xây dựng Đề án tăng cường liên kết giữa các địa phương, vùng trong sử dụng hiệu quả tài nguyên bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu		- Cục Biến đổi khí hậu; - Vụ Kế hoạch - Tài chính; - Các đơn vị trực thuộc Bộ; - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương.	2018	
71	Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường trong quản lý tài nguyên bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.	Viện Chiến lược, chính sách tài nguyên và môi trường	- Cục Biến đổi khí hậu; - Các đơn vị trực thuộc Bộ; - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương.	2018 và các năm tiếp theo	
72	Khảo sát, nghiên cứu, xây dựng Chiến lược quốc gia phát triển ngành tài nguyên và môi trường đến năm 2030, tầm nhìn 2040		- Vụ kế hoạch tài chính. - Các đơn vị trực thuộc Bộ. - Các Bộ ngành liên quan - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương.	Năm 2018 và các năm tiếp theo	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp chính	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
IX	LĨNH VỰC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ VIỄN THÁM				
73	Hiện đại hóa mạng lưới độ cao quốc gia phục vụ công tác quy hoạch, xây dựng, phát triển kinh tế xã hội tại một số thành phố lớn và khu vực ven biển	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	- Các đơn vị trực thuộc Bộ; - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan	2018 và các năm tiếp theo	
74	Xây dựng mô hình số độ cao độ chính xác cao khu vực đồng bằng ven biển phục vụ công tác nghiên cứu, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng		- Các đơn vị trực thuộc Bộ; - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố ven biển	2018 và các năm tiếp theo	
75	Xây dựng chiến lược phát triển viễn thám quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040	Cục Viễn thám quốc gia	- Các đơn vị trực thuộc Bộ; - Sở TNMT các tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan		

α

H